

Số: 427/QĐ-HĐQL

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế trích lập, quản lý, sử dụng khoản dự phòng rủi ro
và xử lý nợ cho vay bắt buộc của Quỹ Bảo lãnh tín dụng
cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 29/06/2010;

Căn cứ Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 147/2014/TT-BTC ngày 08/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-NHNN ngày 04/5/2015 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn các tổ chức tín dụng phối hợp với Quỹ Bảo lãnh tín dụng trong cho vay có bảo lãnh của Quỹ Bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý trong hoạt động của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài của Ngân hàng nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2277/QĐ-UBND ngày 02/7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-QBL ngày 26/9/2013 của Hội đồng quản lý về việc ban hành quy chế quy trình nghiệp vụ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Xét đề nghị của Giám đốc Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 05/QBL-HCTH ngày 12/01/2016 về việc trình phê duyệt

Quy chế trích lập, quản lý, sử dụng khoản dự phòng rủi ro và xử lý nợ cho vay bắt buộc (gửi kèm dự thảo Quy chế và công văn tham gia ý kiến của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế trích lập, quản lý, sử dụng khoản dự phòng rủi ro và xử lý nợ cho vay bắt buộc của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hóa”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Hội đồng quản lý Quỹ; Giám đốc Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
- Lưu: VT, KTTC (HungYT1693).



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lê Anh Tuấn

QUY CHẾ

Trích lập, quản lý, sử dụng khoản dự phòng rủi ro và xử lý nợ cho vay bắt buộc

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 727/QĐ-HĐQL ngày 02/02/2016
của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho Doanh nghiệp
nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hóa)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc trích lập, quản lý, sử dụng khoản dự phòng rủi ro và xử lý nợ cho vay bắt buộc của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, những cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Bảo lãnh tín dụng*”: là cam kết bằng văn bản của Quỹ Bảo lãnh tín dụng (Bên bảo lãnh) với Tổ chức tín dụng (Bên nhận bảo lãnh) về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho khách hàng (Bên được bảo lãnh) khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ trả nợ đã cam kết với Tổ chức tín dụng. Khách hàng phải nhận nợ và hoàn trả cho Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hóa số tiền đã được trả thay.

2. “*Cam kết bảo lãnh tín dụng*”: là văn bản của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hóa, bao gồm:

a) “*Thư bảo lãnh tín dụng*”: là cam kết đơn phương bằng văn bản của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hóa với bên nhận bảo lãnh về việc sẽ trả nợ thay cho khách hàng trong trường hợp khách hàng không trả hoặc không trả đầy đủ, đúng hạn nợ vay đối với bên nhận bảo lãnh.

b) “*Hợp đồng bảo lãnh tín dụng*”: là thoả thuận bằng văn bản giữa Quỹ Bảo lãnh tín dụng với Tổ chức tín dụng (nếu có) và khách hàng về quyền lợi và nghĩa vụ các bên trong việc bảo lãnh và hoàn trả.

3. “*Bên bảo lãnh*”: là Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hóa, sau đây gọi tắt là Quỹ.

4. “*Bên được bảo lãnh*”: là các khách hàng được Quỹ cấp bảo lãnh vay vốn tại các Tổ chức tín dụng.

5. “*Bên nhận bảo lãnh*”: là các Tổ chức tín dụng thành lập và hoạt động theo Luật các Tổ chức tín dụng.

6. *Cho vay bắt buộc*: là nghiệp vụ cho vay của Quỹ khi khách hàng không trả được nợ hoặc trả nợ không đúng hạn cho Tổ chức tín dụng.

7. *Nhận nợ bắt buộc*: là việc Khách hàng phải phải nhận nợ vay bắt buộc số tiền Quỹ đã trả nợ thay Khách hàng cho Bên nhận bảo lãnh khi Khách hàng không trả được nợ.

8. *Dự phòng rủi ro*: là khoản tiền được trích lập và hạch toán vào chi phí để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra khi Quỹ phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho khách hàng tại các Tổ chức tín dụng. Dự phòng rủi ro gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

Điều 3. Đối tượng điều chỉnh

Bên bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh, bên được bảo lãnh, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động bảo lãnh tín dụng của Quỹ.

Chương II

PHÂN LOẠI NỢ, TRÍCH LẬP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KHOẢN DỰ PHÒNG RỦI RO

Điều 4. Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro

1. Phân loại nợ:

Toàn bộ các khoản nợ vay bắt buộc, Quỹ thực hiện phân loại nợ như sau:

a) Nợ loại 1: là các khoản nợ từ 01 đến 30 ngày kể từ ngày Quỹ thực hiện nghĩa vụ đối với các Tổ chức tín dụng và ghi nợ bắt buộc đối với khách hàng.

b) Nợ loại 2: là các khoản nợ từ 31 đến 90 ngày kể từ ngày Quỹ thực hiện nghĩa vụ đối với các Tổ chức tín dụng và ghi nợ bắt buộc đối với khách hàng.

c) Nợ loại 3: là các khoản nợ từ 91 ngày trở lên kể từ ngày Quỹ thực hiện nghĩa vụ đối với các Tổ chức tín dụng và ghi nợ bắt buộc đối với khách hàng.

2. Trích lập dự phòng rủi ro:

a) Trích lập dự phòng rủi ro chung: Quỹ trích vào chi phí hàng năm bằng 0.75 %/ năm tính trên số dư nợ tổ chức tín dụng cho khách hàng vay được Quỹ cam kết bảo lãnh tại thời điểm trích lập.

b) Trích lập dự phòng rủi ro cụ thể:

Căn cứ kết quả phân loại nợ và kết quả thu chi tài chính. Ngay sau khi Quỹ thực hiện nghĩa vụ đối với các Tổ chức tín dụng và ghi nợ bắt buộc đối với khách hàng, khoản dự phòng rủi ro cụ thể được áp dụng mức trích tối đa bằng 100%/số tiền cho vay bắt buộc. Cụ thể:

- Nợ loại 1, trích 20% .

- Nợ loại 2, trích 50% .
- Nợ loại 3, trích 100% .

Điều 5. Quản lý và sử dụng khoản dự phòng rủi ro

Quỹ được sử dụng khoản dự phòng rủi ro để bù đắp các khoản nợ cho vay bắt buộc khi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho khách hàng mà không thu hồi được nợ. Cuối năm, nếu không sử dụng hết khoản dự phòng rủi ro, số dư của khoản dự phòng rủi ro được chuyển sang năm tiếp theo.

Chương III

THỰC HIỆN NGHĨA VỤ BẢO LÃNH VÀ CHO VAY BẮT BUỘC

Điều 6. Mục đích, phạm vi áp dụng

1. Mục đích

Tạo sự thống nhất về trình tự, thủ tục trong thực hiện nghiệp vụ cho vay bắt buộc của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Tỉnh Thanh Hoá diễn ra thống nhất, khoa học, phòng ngừa và hạn chế rủi ro, góp phần nâng cao chất lượng bảo lãnh đồng thời thực hiện đúng các quy định pháp luật về bảo lãnh tín dụng.

2. Phạm vi áp dụng

Áp dụng cho tất cả các loại hình bảo lãnh cho các Khách hàng vay vốn tại các tổ chức tín dụng thông qua bảo lãnh của Quỹ, bao gồm: tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

Điều 7. Nguyên tắc chung

Thường xuyên tìm giải pháp, phương pháp xử lý khoa học phù hợp từng thời điểm, từng khách hàng, từng món vay để đảm bảo chất lượng, hiệu quả bảo lãnh nhằm đạt được mục tiêu giảm thiểu tối đa rủi ro và tổn thất cho Quỹ.

Trong quá trình thực hiện, cán bộ có liên quan phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định liên quan, tham chiếu các quy định hiện hành về hoạt động tín dụng, Ngân hàng, Luật các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật liên quan khác.

Điều 8. Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

1. Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:

Quy trình thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh áp dụng tại mục II, phần E, Quy chế, quy trình nghiệp vụ đã được ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-QBL ngày 26/9/2013 của Hội Đồng quản lý Quỹ.

2. Nguồn vốn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Quỹ sử dụng nguồn vốn hoạt động của mình để thực hiện nghĩa vụ đã cam kết với tổ chức tín dụng.

Điều 9. Cho vay bắt buộc

1. Các bước thực hiện:

Ngay khi Quý thực hiện nghĩa vụ đối với các Tổ chức tín dụng:

Khách hàng nhận nợ bằng văn bản, cán bộ nghiệp vụ chuyển cho phòng kế toán ghi nợ khách hàng.

Nếu khách hàng không ký nhận nợ bằng văn bản thì Quý vẫn phải lập văn bản ghi nợ cho vay bắt buộc số tiền đã trả thay theo quy định làm chứng từ kế toán.

a) Đối với cán bộ nghiệp vụ

Cán bộ nghiệp vụ căn cứ vào các văn bản cam kết thực hiện nghĩa vụ giữa Quý với Tổ chức tín dụng và tài liệu liên quan làm cơ sở để lập Hồ sơ cho vay bắt buộc, soạn thảo Hợp đồng cho vay bắt buộc, Khế ước nhận nợ bắt buộc và các văn bản có liên quan khác trình Trưởng phòng nghiệp vụ xem xét.

b) Đối với Trưởng phòng nghiệp vụ

Trưởng phòng nghiệp vụ kiểm tra, kiểm soát ký nháy trên từng trang của Hợp đồng cho vay bắt buộc, Khế ước nhận nợ bắt buộc và các văn bản có liên quan khác trình Giám đốc hoặc người ủy quyền.

c) Đối với bộ phận kế toán

Ngay khi Quý thực hiện nghĩa vụ đối với Tổ chức tín dụng, bộ phận kế toán tự động hạch toán ghi nợ bắt buộc cho khách hàng số tiền mà Quý đã trả thay.

Phối hợp với phòng nghiệp vụ, Ban kiểm soát theo dõi tình hình trả nợ vay bắt buộc của khách hàng.

d) Đối với Trưởng ban kiểm soát

Phối hợp với phòng Nghiệp vụ kiểm tra, đối chiếu hồ sơ cho vay bắt buộc, ký nháy trước khi phòng nghiệp vụ trình Giám đốc hoặc người ủy quyền phê duyệt.

Theo dõi, giám sát việc thực hiện xử lý thu hồi nợ cho vay bắt buộc đảm bảo đúng các quy định của Quý và của pháp luật hiện hành.

đ) Đối với Giám đốc hoặc người ủy quyền

Ký duyệt Hợp đồng cho vay bắt buộc, Khế ước nhận nợ bắt buộc và các văn bản có liên quan do phòng nghiệp vụ trình.

Chỉ đạo phòng nghiệp vụ tổ chức việc theo dõi và áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ vay bắt buộc.

2. Thời hạn cho vay bắt buộc

Thời gian quy định chung cho tất cả các Hợp đồng nhận nợ bắt buộc tối đa không quá 06 tháng.

Sau thời gian 06 tháng khách hàng vẫn không trả được nợ vay bắt buộc, cán bộ tín dụng phải xem xét đề xuất các biện pháp xử lý tài sản đảm bảo. Trong

thời gian chờ đợi xử lý tài sản đảm bảo, Quý vẫn yêu cầu khách hàng tiếp tục nhận nợ theo quy định.

3. Đồng tiền, số tiền cho vay bắt buộc:

a) Đồng tiền sử dụng: VNĐ

b) Số tiền cho vay bắt buộc: Là số tiền Quý đã trả thay cho khách hàng khi khách hàng không trả được nợ cho Bên nhận bảo lãnh.

c) Lãi suất cho vay bắt buộc

Lãi suất cho vay bắt buộc bằng 150% lãi suất cho vay theo hợp đồng tín dụng khách hàng đã ký với Tổ chức tín dụng trên số tiền Quý đã trả thay.

Điều 10. Hợp đồng cho vay bắt buộc

Hợp đồng cho vay bắt buộc bao gồm các nội dung chính sau:

- Tên, địa chỉ của Quý và Khách hàng nhận nợ bắt buộc
- Mục đích cho vay bắt buộc
- Đồng tiền cho vay bắt buộc
- Số tiền cho vay bắt buộc
- Lãi suất cho vay bắt buộc
- Thời hạn cho vay, phương thức và kỳ hạn trả nợ
- Các quy định cụ thể liên quan tới việc thu hồi nợ của Quý
- Xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp
- Những thỏa thuận khác

(Chi tiết theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo quy chế này)

Nội dung của Hợp đồng cho vay bắt buộc có thể được sửa đổi, bổ sung trước thời hạn hết hạn Hợp đồng cho vay bắt buộc 30 ngày nếu các bên có liên quan thỏa thuận.

Điều 11. Khế ước nhận nợ bắt buộc

Khế ước nhận nợ bắt buộc là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng cho vay bắt buộc, trong đó xác định rõ: Số tiền nhận nợ bắt buộc, lãi suất nhận nợ vay bắt buộc, thời hạn cho vay và các quy định cụ thể khác liên quan tới việc thu hồi nợ của Quý *(Chi tiết theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo quy chế này)*.

Điều 12. Quản lý nợ vay bắt buộc

1. Thời điểm thực hiện

Kể từ khi Quý yêu cầu khách hàng nhận nợ bắt buộc.

2. Trình tự quản lý nợ vay bắt buộc

a) Đối với cán bộ nghiệp vụ

- Sau khi thực hiện nghiệp vụ cho vay bắt buộc, Cán bộ nghiệp vụ mở sổ theo dõi riêng từng Khách hàng, thường xuyên nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính của Khách hàng để đôn đốc việc trả nợ vay bắt buộc cho Quý.

- Giám sát, theo dõi khi Khách hàng có nguồn thu phải trả nợ vay và lãi vay bắt buộc cho Quý.

- Số lãi phải trả được tính từ ngày Quý trả nợ thay cho Khách hàng cho đến khi Khách hàng thực hiện xong nghĩa vụ với Quý.

- Cán bộ nghiệp vụ phải thường xuyên báo cáo bằng văn bản đầy đủ, trung thực, kịp thời các thông tin liên quan đến khoản cho vay bắt buộc tới trưởng phòng nghiệp vụ; Giám đốc hoặc người được ủy quyền.

- Định kỳ 01 tuần, 10 ngày hoặc tối đa 01 tháng/một lần Cán bộ nghiệp vụ phải tiếp tục gửi thông báo đòi nợ đến Khách hàng. Các thông báo đôn đốc thu hồi nợ phải được Cán bộ nghiệp vụ lưu giữ đầy đủ.

- Khi khách hàng trả nợ vay bắt buộc một phần hoặc toàn bộ cho Quý, cán bộ nghiệp vụ phải phối hợp với kế toán hạch toán giảm nợ và lập thông báo gửi Khách hàng.

- Trường hợp Khách hàng thực hiện hình thức sở hữu hợp nhất, sát nhập, cổ phần hóa (Thay đổi đại diện thể nhân hoặc pháp nhân) cán bộ nghiệp vụ phải thông báo kịp thời với Trưởng phòng, Giám đốc hoặc người được ủy quyền để chuyển số dư nợ cho Khách hàng mới và Khách hàng mới phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng cho vay bắt buộc và Khế ước nhận nợ do Khách hàng cũ đã ký với Quý.

b) Đối với Trưởng phòng nghiệp vụ

- Thường xuyên đôn đốc cán bộ nghiệp vụ tích cực thu hồi nợ vay bắt buộc.

- Đề xuất với Giám đốc hoặc người được ủy quyền các biện pháp nhằm lựa chọn và áp dụng kịp thời các biện pháp thu hồi nợ hiệu quả.

c) Đối với bộ phận kế toán

- Phối hợp với phòng nghiệp vụ và Ban kiểm soát theo dõi tình hình trả nợ vay bắt buộc của khách hàng.

- Hạch toán nợ vay bắt buộc theo quy định.

d) Đối với Trưởng ban kiểm soát

- Phối hợp với bộ phận kế toán và bộ phận nghiệp vụ theo dõi dư nợ vay bắt buộc của khách hàng.

- Đề xuất với Giám đốc hoặc người được ủy quyền các biện pháp nhằm lựa chọn và áp dụng kịp thời các biện pháp thu hồi nợ hữu hiệu

đ) Đối với Giám đốc hoặc người được ủy quyền

- Chỉ đạo phòng nghiệp vụ phối hợp với Ban kiểm soát và bộ phận kế toán theo dõi, quản lý nợ vay bắt buộc theo quy định.

- Trên cơ sở đề xuất của phòng nghiệp vụ, ban kiểm soát về các biện pháp thu hồi nợ, Giám đốc hoặc người được ủy quyền kịp thời đưa ra các quyết định thích hợp nhằm bảo đảm thu hồi nợ vay bắt buộc đạt hiệu quả cao nhất.

3. Đối với các Khách hàng bị giải thể, phá sản, việc thu hồi nợ vay bắt buộc thực hiện theo Quy định của Pháp luật.

Điều 13. Xử lý tài sản bảo đảm

Hết thời hạn 06 tháng kể từ khi Quỹ thực hiện nghĩa vụ với bên nhận bảo lãnh mà Khách hàng không trả được hoặc trả không đầy đủ nợ vay bắt buộc. Cán bộ nghiệp vụ phải đề xuất với Trưởng phòng nghiệp vụ trình Giám đốc hoặc người được ủy quyền các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Tùy từng trường hợp cụ thể Quỹ phối hợp Tổ chức tín dụng – Bên được bảo lãnh và Bên có tài sản thế chấp liên quan lập phương án xử lý tài sản bảo đảm theo các cách thức cơ bản sau:

1. Bán trực tiếp cho người mua:

- Bên thế chấp đứng chủ (hoặc phối hợp với Quỹ hoặc/và Tổ chức tín dụng) bán tài sản thế chấp để trả nợ. Giá cả tối thiểu của tài sản thế chấp do các bên thỏa thuận trên cơ sở mặt bằng giá tài sản cùng loại trên thị trường tại địa phương vào thời điểm đó. Giá bán tài sản thế chấp không được thấp hơn giá tối thiểu đã thỏa thuận. Thời hạn bán tài sản thế chấp do các bên thống nhất.

- Trường hợp Bên thế chấp không đứng chủ bán tài sản hoặc các bên không thống nhất được về giá bán tài sản, thì Quỹ hoặc/và Tổ chức tín dụng được quyền quyết định thuê 01 đơn vị tư vấn thẩm định giá (Hoạt động hợp pháp tại Việt Nam) xác định giá bán tài sản; Hoặc Quỹ hoặc/và Tổ chức tín dụng được quyền tự xác định giá bán tài sản bảo đảm trên cơ sở mặt bằng giá tài sản cùng loại trên thị trường vào thời điểm đó Quỹ hoặc/và Tổ chức tín dụng là đại diện bán tài sản.

2. Đăng báo bán tài sản bảo đảm:

- Quỹ hoặc/và Tổ chức tín dụng được quyền bán tài sản theo hình thức đăng báo bán tài sản bảo đảm mà không cần sự đồng ý của Bên thế chấp.

- Giá bán tài sản thế chấp sẽ do Quỹ thống nhất với Tổ chức tín dụng toàn quyền xác định trên cơ sở mặt bằng giá tài sản cùng loại trên thị trường tại địa phương vào thời điểm đó hoặc thuê Công ty tư vấn thẩm định giá (Hoạt động hợp pháp tại Việt Nam).

- Việc đăng báo được thực hiện tối thiểu một lần và Quỹ hoặc/và Tổ chức tín dụng được toàn quyền bán tài sản cho người chào mua cao nhất, kể cả trong trường hợp chỉ có một người chào mua nhưng không thấp hơn giá chào bán.

3. Bán đấu giá tài sản:

Giá tài sản bảo đảm làm căn cứ bán đấu giá (giá sàn) được xác định:

- Theo thỏa thuận của Bên thế chấp với Quý và Tổ chức tín dụng;
- Trường hợp các bên không thỏa thuận thống nhất được về giá sàn thì Quý và Tổ chức tín dụng toàn quyền quyết định thực hiện việc xác định giá trị tài sản theo một trong các phương thức sau:

+ Quý và Tổ chức tín dụng toàn quyền xác định giá đấu giá trên cơ sở mặt bằng giá tài sản cùng loại trên thị trường tại địa phương vào thời điểm đó; hoặc

+ Thuê Công ty tư vấn thẩm định giá; hoặc

+ Thuê 01 đơn vị tư vấn đấu giá (Hoạt động hợp pháp tại Việt Nam) nhân danh các bên tiến hành các thủ tục bán tài sản bảo đảm, chuyển nhượng tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật.

4. Quý và/hoặc Tổ chức tín dụng yêu cầu Toà án giải quyết, xử lý tài sản thế chấp.

5. Các cách thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Hạch toán nguồn thu từ xử lý tài sản đảm bảo

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp sẽ được hạch toán vào thu nhập khác của Quý.

Chương IV

THÀNH LẬP TỔ XỬ LÝ RỦI RO

Điều 15. Sự cần thiết thành lập Tổ xử lý rủi ro

Khi phát sinh một hoặc nhiều món nợ quá hạn được lãnh đạo Quý hoặc phòng nghiệp vụ hoặc Ban kiểm soát đánh giá nguy cơ khách hàng mất khả năng thanh toán một phần hoặc toàn bộ khoản vay. Giám đốc Quý trình Chủ tịch Hội Đồng quản lý thành lập tổ xử lý rủi ro.

Điều 16. Thành lập tổ xử lý rủi ro

1. Giám đốc Quý hoặc người được ủy quyền là Tổ trưởng.

2. Trưởng ban kiểm soát

3. Trưởng Phòng nghiệp vụ

4. Kế toán trưởng

5. Cán bộ nghiệp vụ trực tiếp quản lý khoản nợ quá hạn.

6. Bổ sung thành viên: Tùy từng trường hợp cụ thể, Tổ trưởng điều động bổ sung thành viên để đáp ứng nhu cầu công việc. Thành viên bổ sung thực hiện vai trò giúp việc tổ xử lý rủi ro và không phải chịu trách nhiệm liên đới.

Điều 17. Nhiệm vụ tổ xử lý rủi ro

1. Lập phương án thu hồi nợ quá hạn.

Theo đó khẩn trương kiến nghị cơ quan có thẩm quyền phong tỏa tài sản, phong tỏa tài khoản giao dịch của khách hàng để tiến hành thu hồi triệt để nợ quá hạn.

2. Lập phương án xử lý tài sản đảm bảo.

Sau khi đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ (kể cả việc áp dụng gia hạn thời hạn nợ) mà khách hàng vẫn không trả được nợ. Tổ xử lý nợ phải lập phương án xử lý tài sản đảm bảo theo quy định pháp luật, hợp đồng bảo lãnh, văn bản thỏa thuận giữa các bên có liên quan đến tài sản đảm bảo để tiến hành xử lý tài sản đảm bảo theo đúng quy định pháp luật và quy định tại Quy chế này.

Phương án xử lý tài sản đảm bảo trước khi thực hiện phải được biểu quyết bởi ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên tổ xử lý rủi ro, ý kiến khác được bảo lưu tại biên bản.

3. Xử lý cá nhân liên quan và đề xuất sử dụng quỹ dự phòng rủi ro

Sau khi hoàn thành việc thực hiện phương án xử lý tài sản đảm bảo vẫn không thu hồi đủ khoản nợ quá hạn, Tổ xử lý rủi ro tiến hành phân tích nguyên nhân rủi ro và trình Hội đồng Quản lý xử lý như sau:

- Nếu do cá nhân cán bộ Quỹ cố ý làm trái quy định pháp luật, Điều lệ Quỹ và các quy định pháp luật liên quan khác phải bồi thường 100% tổn thất hoặc bị truy cứu trách nhiệm trước pháp luật.

- Nếu do các nguyên nhân khách quan khác Quỹ sử dụng quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp.

- Tiếp tục ghi nợ bắt buộc đối với khách hàng, nếu thu hồi được thì Quỹ hạch toán vào khoản thu nhập khác.

Chương V

VỀ MIỄN, GIẢM LÃI SUẤT NHẬN NỢ BẮT BUỘC, PHÍ BẢO LÃNH TÍN DỤNG

Điều 18. Thực hiện việc miễn, giảm lãi suất nhận nợ bắt buộc, phí bảo lãnh tín dụng

Khi khách hàng có đề nghị miễn, giảm lãi suất nhận nợ bắt buộc, phí bảo lãnh tín dụng thì Giám đốc Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý xem xét đề trình UBND tỉnh phê duyệt. Trong từng trường hợp cụ thể, theo quy định sau:

1. Khi khách hàng trả được 100% khoản nợ bắt buộc trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) thì lãi suất chỉ tính bằng 1,1 lần lãi suất theo hợp đồng tín dụng khách hàng đã ký với Tổ chức tín dụng.

2. Khi khách hàng trả được 100% khoản nợ bắt buộc trong thời hạn 03 tháng (90 ngày) thì chỉ tính lãi suất bằng 1,2 lần lãi suất theo hợp đồng tín dụng khách hàng đã ký với Tổ chức tín dụng.

3. Khi khách hàng trả được 100% khoản nợ bắt buộc sau 90 ngày đến 180 ngày thì chỉ tính lãi suất bằng 1,3 lần lãi suất theo hợp đồng tín dụng khách hàng đã ký với Tổ chức tín dụng.

4. Khi khách hàng trả được 100% khoản nợ bắt buộc nêu tại khoản 1,2,3 điều này thì được miễn thu phí bảo lãnh tín dụng còn nợ (nếu có).

5. Khi phải tiến hành xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, Khách hàng không được miễn, giảm bất kỳ khoản nào.


Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này được áp dụng cho mọi trường hợp Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Thanh Hóa bảo lãnh tín dụng cho các Khách hàng vay vốn tại các tổ chức tín dụng kể từ khi Quỹ chính thức hoạt động.

2. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế do Giám đốc Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG *h*



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lê Anh Tuấn**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHO VAY BẮT BUỘC

Số: /20.... /HĐCVBB

. Căn cứ Bộ luật dân sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2005;
Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 29/06/2010;

Căn cứ Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV;

Căn cứ Quyết định số ~~22/77/QĐ-UBND~~ ngày 02/07/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quy chế Quy trình nghiệp vụ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-QBL ngày 26/9/2013 của Hội đồng Quản lý Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số ~~17~~ /QĐ-HĐQL ngày ~~17/01/2016~~ của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy chế thành lập, quản lý, sử dụng khoản dự phòng rủi ro và xử lý nợ cho vay bắt buộc của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Hợp đồng bảo lãnh số ~~.....~~ ngày ~~...../...../.....~~ giữa Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV tỉnh Thanh Hóa và ~~.....~~

Hôm nay, ngày tháng năm tại trụ sở văn phòng Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hóa, chúng tôi gồm:

BÊN CHO VAY BẮT BUỘC: QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH THANH HÓA (Sau đây gọi tắt là "Bên A")

- Địa chỉ: Tầng 5, Số 05, đường Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, Thành phố Thanh hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Điện thoại: 0376.255.038

- Người đại diện Ông Lê Văn Đồng - Chức vụ: Giám đốc.

- CMND số do CA cấp ngày

BÊN NHẬN NỢ VAY BẮT BUỘC:..... (Sau đây gọi tắt là "Bên B")

- Địa chỉ:

- Mã số doanh nghiệp:
- Người đại diện:..... - Chức vụ:
- CMND số do CA cấp ngày
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Đã thỏa thuận và đồng ý ký kết Hợp đồng bảo lãnh tín dụng này với các nội dung như sau:

Điều 1. Mục đích cho vay bắt buộc

Nhằm thu hồi vốn cho Nhà nước, thực hiện cam kết giữa Bên A với Bên B tại Hợp đồng Bảo lãnh số ngày.....

Bằng hợp đồng cho vay bắt buộc này bên B có trách nhiệm phải nhận nợ bắt buộc và phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền mà Bên A đã trả thay cho Bên B.

Điều 2. Số tiền, lãi suất cho vay bắt buộc

Số tiền cho vay bắt buộc: Bằng số:.....

Bằng chữ:.....

Lãi suất cho vay bắt buộc bằng 150% lãi suất trong hạn đã được ghi trong Hợp đồng tín dụng số..... ngày..... giữa bên B và Tổ chức tín dụng cụ thể: lãi suất ghi trên Hợp đồng tín dụng tương ứng là% thì lãi suất Quỹ cho vay bắt buộc là%

Số tiền lãi cho vay bắt buộc (LS) được tính bởi công thức:

$$LS = \frac{\text{Dư nợ cho vay bắt buộc} \times \text{Số ngày thực vay} \times \text{Lãi suất cho vay bắt buộc}}{360}$$

Các trường hợp miễn, giảm lãi suất cho vay bắt buộc

1. Khi khách hàng trả được 100% khoản nợ bắt buộc trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) thì lãi suất chỉ tính bằng 1,1 lần lãi suất theo hợp đồng tín dụng khách hàng đã ký với Tổ chức tín dụng.

2. Khi khách hàng trả được 100% khoản nợ bắt buộc trong thời hạn 03 tháng (90 ngày) thì lãi suất chỉ tính bằng 1,2 lần lãi suất theo hợp đồng tín dụng khách hàng đã ký với Tổ chức tín dụng.

3. Khi khách hàng trả được 100% khoản nợ bắt buộc sau 90 ngày đến 180 ngày thì lãi suất chỉ tính bằng 1,3 lần lãi suất theo hợp đồng tín dụng khách hàng đã ký với Tổ chức tín dụng.

Điều 3. Thời hạn cho vay, phương thức và kỳ hạn trả nợ

Thời hạn cho vay : 06 tháng kể từ ngày..... đến ngày.....

Kỳ hạn trả nợ: Tối đa 06 tháng, nếu sau 6 tháng khách hàng không trả được nợ vay bắt buộc Bên A phối hợp với Tổ chức tín dụng xử lý tài sản đảm bảo để thu

hồi nợ theo các thỏa thuận đã cam kết tại Hợp đồng Thế chấp tài sản số..... ngày....., Văn bản thỏa thuận số..... ngày..... và các cam kết có liên quan khác.

Trường hợp gia hạn nợ vay bắt buộc: Bên B có văn bản đề nghị được Bên A chấp thuận.

Điều 4. Xử lý vi phạm, tranh chấp

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một bên phát hiện bên kia vi phạm Hợp đồng thì thông báo bằng văn bản cho bên vi phạm biết và yêu cầu khắc phục các vi phạm đó. Trong phạm vi 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản bên vi phạm phải trả lời bằng văn bản cho bên kia biết nếu không có văn bản trả lời thì coi như chấp thuận,

2. Các tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng hoặc liên quan đến Hợp đồng được các bên giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở bình đẳng, thiện chí. Trường hợp các bên không tiến hành thương lượng hoặc thương lượng không thành thì tranh chấp được giải quyết bằng phán quyết của Tòa án.

3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bên nào vi phạm Hợp đồng gây nên thiệt hại cho bên kia thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký và chấm dứt trong các trường hợp sau:
- Bên B đã hoàn trả Bên A đầy đủ số tiền phải trả theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng.

- Theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.

2. Thanh lý hợp đồng: trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt, hai bên ký văn bản thanh lý Hợp đồng, nếu không ký văn bản thanh lý thì Hợp đồng được coi là đã thanh lý.

3. Hợp đồng bao gồm trang được đánh số thứ tự từ 01 đến....., được lập thành bản, có giá trị pháp lý như nhau: Bên A giữ bản, Bên B giữbản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHẾ ƯỚC NHẬN NỢ VAY BẮT BUỘC

Căn cứ Bộ luật dân sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2005;
Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 29/06/2010;

Căn cứ Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV;

Căn cứ Quyết định số ~~2277/QĐ-UBND~~ ngày 02/07/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quy chế, Quy trình nghiệp vụ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-QBL ngày 26/9/2013 của Hội đồng Quản lý Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-HĐQL ngày /01/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy chế trích lập, quản lý sử dụng khoản dự phòng rủi ro và xử lý nợ cho vay bắt buộc của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Hợp đồng bảo lãnh số ngày / giữa Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV tỉnh Thanh Hóa và

BÊN CHO VAY BẮT BUỘC: QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH THANH HÓA (Sau đây gọi tắt là "Bên A")

- Địa chỉ: Tầng 5, Số 05, đường Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, Thành phố Thanh hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Điện thoại: 0376.255.038

- Người đại diện Ông Lê Văn Đồng - Chức vụ: Giám đốc.

- CMND số do CA cấp ngày

BÊN NHẬN NỢ VAY BẮT BUỘC:..... (Sau đây gọi tắt là "Bên B")

- Địa chỉ:

- Mã số doanh nghiệp:

- Người đại diện:..... - Chức vụ:

- CMND số do CA cấp ngày

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tín dụng theo đề nghị của Ngân hàng nhận bảo lãnh, ngày.... tháng..... năm..... Bên A đã trả nợ thay cho Bên B tại Ngân hàng với tổng số tiền là: Trong đó:

+ Số tiền nợ gốc trả nợ thay: đồng

+ Số tiền nợ lãi trả nợ thay:..... đồng

Nay, Bên B nhận nợ vay bắt buộc đối với Bên A tính từ ngày tháng năm với tổng số tiền là:đồng (số tiền bằng chữ:).

Lãi suất cho vay bắt buộc bằng 150% lãi suất trong hạn đã được ghi trong Hợp đồng tín dụng số..... ngày..... giữa Bên B và Tổ chức tín dụng cụ thể: lãi suất ghi trên Hợp đồng tín dụng tương ứng là% thì lãi suất Bên A cho vay bắt buộc là%

Trong thời hạn 180 ngày tính từ ngày Bên A trả nợ thay, Bên B cam kết trả đầy đủ tổng số nợ vay bắt buộc, lãi vay và các khoản phát sinh có liên quan cho Bên A. Nếu sau 180 ngày, tính từ ngày Bên A trả nợ thay mà Bên B không trả được đầy đủ nợ nói trên cho Bên A thì Bên A phối hợp Ngân hàng..... (nếu có) xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số..... ngày.....; Văn bản thỏa thuận số..... ngày..... và các văn bản có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Nếu sau khi xử lý tài sản (áp dụng bất kỳ phương thức xử lý, chuyển nhượng, chuyển giao, bán, ...) mà Bên B vẫn còn nợ Bên A thì Bên B phải tiếp tục nhận nợ bắt buộc với Bên A.

Thanh Hóa, ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN
BÊN CHO VAY BẮT BUỘC

ĐẠI DIỆN
BÊN NHẬN NỢ VAY BẮT BUỘC

